TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 510/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2020
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nhã.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bảo Hồng.

2. Ông Hoàng Minh Đang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 608/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2020/QĐST – HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị G, sinh năm 1988; địa chỉ: 37/1A Đường Đ, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1985; địa chỉ: 37/1A Đường Đ, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị G trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Hoàng V sống chung vào năm 2010 có đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, Thành phố T. Mâu thuẫn gia đình xảy ra là do chúng tôi bất đồng về quan điểm, lối sống không phù hợp. Nay tôi xin được ly hôn với ông V.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh ngày 01/9/2011. Tôi sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng V: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông V đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông V không đến, do đó không có lời khai của đương sự tại tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của bà Phạm Thị G thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn; do bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo qui định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét nguyên đơn bà Phạm Thị G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn ông Nguyễn Hoàng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Xét việc bà Phạm Thị G và ông Nguyễn Hoàng V chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Long, huyện Phong Điền, Thành phố Cần Thơ, theo giấy chứng nhận kết hôn số 222/2011 đăng ký ngày 31/10/2011 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu của bà G xin được ly hôn với ông V do bà G không còn tình cảm với ông V, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, không có tình nghĩa vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài và hai bên đã tự sống ly thân, bỏ mặc nhau, không còn yêu thương nhau, không giúp đỡ để cùng nhau phát triển. Mặc khác, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông V nhiều lần đến Tòa để làm rõ tình trạng hôn nhân giữa ông V với bà G nhưng ông V không đến. Chứng tỏ ông V thiếu thiện chí để hòa giải những mâu thuẫn giữa vợ chồng, không xem trọng cuộc sống chung vợ chồng. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà G là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về con chung: Quá trình chung sống bà G và ông V có một con chung tên Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh ngày 01/9/2011. Bà G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu này phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền lợi cho con trẻ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng, ông V được tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi bà G có yêu cầu.

[6] Xét về tài sản chung và nợ chung đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà G phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị G được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng V.

2. Về con chung: Bà G xác định vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh ngày 01/9/2011. Bà Phạm Thị G trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông V được tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi bà G có yêu cầu.

Ông V có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà G phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019753 ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà G đã thi hành xong phần án phí dân sự sơ thẩm.

5. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Nhã